

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/HNGĐ -PT**

Ngày 14 - 3 - 2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Tuấn Tú

- *Các Thẩm phán:*

Bà Lưu Hồ Loan

Ông Ma Ngọc Trung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Nguyễn Hữu Tình-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2019/HNGĐ - PT ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ - ST, ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐ-PT, ngày 30 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bảo C**, sinh năm 1997

Nơi ĐK HKTT: Thôn V, Xã Q, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Thôn B, Xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Anh **Tô Duy T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn V, Xã Q, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Tô Duy T.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tô Duy T đã đăng ký kết hôn năm 2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng tại thôn V, xã Q, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có Tg nói chung, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống từ ngày 23/8/2018 và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Tô Duy T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh T có một con chung tên là Tô Phúc N, sinh ngày 12/6/2018, sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tô Duy T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bảo C tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng bố mẹ anh tại thôn V, xã Q, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm và cách sống của các thành viên trong gia đình khác nhau, hai vợ chồng có xảy ra xô sát, cãi chửi nhau và chị C đã bỏ về nhà bố mẹ để từ ngày 23/8/2018 và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nay chị C xin ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn được đoàn tụ và tiếp tục chung sống cùng nhau.

Về con chung, quá trình chung sống anh T và chị C có 01 người con chung tên là Tô Phúc N, sinh ngày 12/6/2018. Nếu phải ly hôn thì anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bảo C, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Tô Duy T, cho chị Nguyễn Thị Bảo

C được ly hôn với anh Tô Duy T; Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bảo C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô Phúc N, sinh ngày 12/6/2018. Anh Tô Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2018, bị đơn anh Tô Duy T có đơn kháng cáo không nhất trí bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H về phần con chung, anh không nhất trí chị Nguyễn Thị Bảo C được quyền nuôi con vì chị C đã bỏ con đi và không cho con bú khi con mới hơn hai tháng tuổi. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi cháu Tô Phúc N, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Tô Duy T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Tô Duy T hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Tô Duy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung, giao cháu Tô Phúc N cho chị Nguyễn Thị Bảo C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của anh Tô Duy T:

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thị Bảo C và anh Tô Duy T có một con chung tên là Tô Phúc N, sinh ngày 12/6/2018; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ ngày 23/8/2018, hiện nay cháu N đang ở cùng anh T. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh T, chị C đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét về điều kiện nuôi con của anh T và chị C, cả hai đều không có nghề nghiệp ổn định, là lao động tự do nên mức thu nhập của chị C và anh T như xác minh tại cấp sơ thẩm là có căn cứ. Tại phiên tòa chị C cung cấp Hợp đồng lao động với siêu thị O, địa chỉ: Tổ 23 phường A, thành phố E, tỉnh Tuyên Quang, chị C làm

nhân viên bán hàng và hưởng mức lương 6.000.000 đồng/ 1 tháng. Anh T cho rằng hàng tháng anh làm công nhân lao động tự do, hàng tháng cũng có mức thu nhập 10.000.000 đồng. Như vậy, xét thấy về mức thu nhập thì cả chị C và anh T đều có thu nhập để nuôi con. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Tô Phúc N còn quá nhỏ (09 tháng tuổi) do đó cần có sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, mặt khác tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: **“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi...”**. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xử giao con chung cháu Tô Phúc N cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Tô Duy T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc anh T cho rằng chị C tự bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc con chung, nhưng tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày 06/9/2018 chị C đã cùng gia đình đến Ủy ban nhân dân Xã Q, huyện H đề nghị hòa giải với mục đích được đón cháu N về trực tiếp nuôi dưỡng, Ủy ban nhân dân xã Q cũng đã có ý kiến yêu cầu anh T giao con cho chị C, nhưng anh T không chấp nhận (bút lục số 34). Do đó, lý do anh T đưa ra để không nhất trí cho chị C nuôi con là không có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân không có kháng cáo; các quan hệ về tài sản chung, nợ chung không có và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Tô Duy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo xin được nuôi con chung của anh Tô Duy T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung như sau:

1. Giao cháu Tô Phúc N, sinh ngày 12/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Bảo C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Tô Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con

chung sau khi ly hôn và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tô Duy T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0001141 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/3/2019).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Tú

